

tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B;

3. Ủy ban nhân dân thành phố B;

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H - chức vụ: Quyền Chủ tịch UBND thành phố B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Ngọc Th - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B. Vắng

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Th1; trú tại: 129 Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng

Đại diện theo ủy quyền của bà Th1: Ông Đỗ Anh T1; trú tại: số 6, tổ liên gia X, Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. *(Theo Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2020, ông Phạm Văn B và bà Trần Thị Th1 đều ủy quyền cho ông Đỗ Anh T1).* Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh Phạm Phúc T2 - Sinh năm 1995. Vắng

3. Chị Phạm Thị Kiều Tr - Sinh năm 1996. Vắng

Cùng trú tại: 129 Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Tại đơn khởi kiện, đại diện của người khởi trình bày nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

Nguồn gốc thửa đất trước đây do ông Phạm Văn T3 khai phá, đến ngày 18/5/1991 thì ông T3 chuyển nhượng cho vợ chồng ông B, bà Th1. Khi chuyển nhượng các bên có lập “Đơn sang nhượng rẫy cà phê” đề ngày 18/5/1991 và được UBND phường T4 xác nhận ngày 21/5/1991. Thời điểm chuyển nhượng ông T3 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Ngày 23/3/2005 thì hộ ông Phạm Văn B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 539000 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 23/3/2005 đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 62, diện tích 3.258m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Quá trình sử dụng đất ông B có xây dựng nhà cửa trên đất thể hiện theo “giấy xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà ở; đơn xin sửa lại nhà đề ngày 09/3/2000 của ông Phạm Văn B; đơn sang nhượng rẫy cà phê đề ngày 18/5/1991, đơn xin dựng nhà trông coi rẫy đề ngày 03/10/1993” mà ông B đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ theo quy định của pháp luật thì hộ ông B phải được cấp “Đất thổ cư” đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 62. Việc Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB539000 ngày 23/3/2005 cho hộ ông Phạm Văn B với mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Không đồng ý với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên ông Phạm Văn B đã khiếu nại

đến Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết. Tại Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B đã không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm Văn B.

Tại Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm Văn B và giữ nguyên Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Vì vậy, ông Phạm Văn B đề nghị Tòa án hủy:

Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc *“Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B”*

Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc *“Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B”*.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 539000 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 23/3/2005 cho hộ ông Phạm Văn B, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 62, diện tích 3.258m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

** Quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất ông Phạm Văn B nhận chuyển nhượng đất trồng cà phê của ông Phạm Văn T3. Sau khi nhận chuyển nhượng ông B vẫn canh tác trồng cà phê. Năm 2004, ông B kê khai xin cấp GCNQSD đất là đất nông nghiệp, không kê khai tài sản trên đất như nhà, các công trình khác. Việc xây dựng nhà tạm là để thuận tiện cho việc chăm sóc cà phê. Căn cứ nguồn gốc, hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất, loại đất kê khai và quy định của pháp luật ngày 23/3/2005 UBND thành phố B cấp GCNQSD đất số AB539000, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 62, diện tích 3.258m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm cho hộ ông B. Việc UBND thành phố B cấp GCNQSD đất với mục đích đất trồng cây lâu năm là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, ngày 29/7/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc *“Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B ”* với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm Văn B là đúng theo quy định của pháp luật.

Nay ông B khởi kiện đề nghị hủy quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc *“Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B ”* là không có cơ sở. Đề nghị, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

** Quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ủy ban nhân dân thành phố B, Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất vào năm 1991 ông Phạm Văn B nhận chuyển nhượng đất trồng cà phê của ông Phạm Văn T3. Sau khi nhận chuyển nhượng ông B vẫn canh tác trồng cà phê. Năm 2004, ông B kê khai xin cấp GCNQSD đất loại đất

nông nghiệp, không kê khai tài sản trên đất như nhà, các công trình khác. Việc xây dựng nhà tạm là để thuận tiện cho việc chăm sóc cà phê. Căn cứ nguồn gốc, hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất, loại đất kê khai và quy định của pháp luật nên ngày 23/3/2005 UBND thành phố B cấp GCNQSD đất số AB539000, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 62, diện tích 3.258m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm cho hộ ông B. Việc UBND thành phố B cấp GCNQSD đất với mục đích đất trồng cây lâu năm là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, ngày 09/01/2019 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về việc “*Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B*” với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm Văn B là đúng theo quy định của pháp luật.

Nay ông B khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B về việc “*Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B*”; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 539000 do ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 23/3/2005 cho hộ ông Phạm Văn B, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 62, diện tích 3.258m², là không có cơ sở. Đề nghị, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

** Quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Th1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng đúng như ông Phạm Văn B đã trình bày, nay bà Th1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B và không bổ sung gì thêm.

** Quá trình tham gia tố tụng anh Phạm Phúc T2 và chị Phạm Thị Kiều Tr là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng đúng như ông Phạm Văn B đã trình bày, anh T2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B và không bổ sung gì thêm.

Với nội dung vụ án đã được xác định nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/HCST ngày 28 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Điều 50; Điều 51; Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; Điều 28; Điều 29; Điều 30 Luật khiếu nại tố cáo 2011; Nghị định số

75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B về việc tuyên hủy:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 539000 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 23/3/2005 cho hộ ông Phạm Văn B, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 62, diện tích 3.258m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

- Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc “*Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B*”.

- Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc “*Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B*”

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 02/2/2021, người khởi kiện ông Phạm Văn B kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo ông B cho rằng Bản án sơ thẩm đã xử bác yêu cầu khởi kiện của ông là không đúng pháp luật, thửa đất số 28 tờ bản đồ số 67 diện tích 3.258m² của ông có nhà ở từ trước ngày 15/10/1993, nhưng đến ngày 23/3/2005, UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định loại đất trồng cây lâu năm là không đúng theo quy định của pháp luật về đất đai. UBND thành phố B và UBND tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận khiếu nại của ông là không đúng, nay ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 539000 do UBND thành phố B cấp ngày 23/3/2005 cho hộ ông B và hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B; Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Anh T1 người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn B có đơn trình bày giữ nguyên kháng cáo và xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Xem xét kháng cáo của ông Phạm Văn B, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Đây là phiên tòa xét xử phúc thẩm mở lần thứ hai, ông Đỗ Anh T1 người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Võ Văn Cảnh người đại diện cho Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk có đơn xin xét xử vắng mặt, những người tham gia tố tụng khác trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đều vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xem xét quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc giải quyết khiếu nại và ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại xét thấy:

Ngày 18/5/1991 ông Phạm Văn B và bà Trần Thị Th1 nhận chuyển nhượng đất của ông Phạm Văn T3, hai bên có viết đơn sang nhượng rẫy cà phê và được UBND phường T4 xác nhận ngày 21/5/1991, đến ngày 23/3/2005 hộ ông B được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ 62, diện tích 3.258m², loại đất trồng cây lâu năm, sau khi được cấp, ông B bà Th1 đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thời điểm cấp giấy. Đến đầu năm 2019 ông B cho rằng việc UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 539000, nhưng xác định “*loại đất trồng cây lâu năm*” là không đúng, lý do vì trên đất đã có nhà cửa từ trước ngày 15/10/1993, nên ông B yêu cầu UBND thành phố B thu hồi và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định diện tích 3.258 m² của hộ ông B là đất ở.

Chủ tịch UBND thành phố B đã thụ lý đơn và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019, không chấp nhận việc khiếu nại của ông B, ông B tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 1701/QĐ-UBND ngày 29/7/2020, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B.

Theo quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại quy định như sau:

“Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.”

Tại khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại quy định như sau: “*Các khiếu nại không được thụ lý giải quyết:*

6. *Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng.*”

Xem xét quá trình khiếu nại, ông B không xuất trình một tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nguyên nhân, lý do bất khả kháng như ốm đau, thiên tai địch họa, bận đi công tác xa hoặc vì trở khách quan khác.

Như vậy, khiếu nại của ông Phạm Văn B đã hết thời hiệu giải quyết khiếu nại, lẽ ra Chủ tịch UBND thành phố B căn cứ khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại, không thụ lý đơn khiếu nại của ông B. Tuy nhiên, do Chủ tịch UBND thành phố B UBND không xem xét về thời hiệu giải quyết khiếu nại, vẫn thụ lý đơn khiếu nại để xem xét và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, sau đó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk tiếp tục giải quyết và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai, do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp tục thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định của pháp luật.

[3]. Xem xét hồ sơ đăng ký, kê khai và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005 của hộ ông B, xét thấy, tại Đơn sang nhượng rẫy cà phê đề ngày 18/5/1991 (Bút lục 83) thể hiện việc chuyển nhượng đất giữa ông Phạm Văn T3 với ông Phạm Văn B là đất trồng cà phê, đóng thuế đất nông nghiệp, tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/11/2004 ông B đã đăng ký mục đích sử dụng đất: *Trồng cà phê* (Bút lục 81), do vậy tại Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai ngày 01/11/2004 của phường T4 (Bút lục 77), Quyết định số 1524/QĐ-UB ngày 23/3/2005 của UBND thành phố B về việc: “*Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” cho hộ ông B (Bút lục 79) và một số thủ tục khác đều xác định mục đích sử dụng đất của thửa đất là loại đất “*Trồng cây lâu năm*”. Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 539000, UBND thành phố B cấp ngày 23/5/2005 đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 62, diện tích 3.258 m² cho hộ ông B đã xác định loại đất “*Đất trồng cây lâu năm*” là đúng trình tự, thủ tục do pháp luật được quy định tại các điều 46, 48, 49, 50 Luật đất đai năm 2003, các điều 38, 39, 40 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2003. Việc ông B khiếu nại cho rằng việc UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B nhưng không xác định loại “*Đất ở*” đối với thửa đất nêu trên là không có căn cứ. Do vậy, tại các quyết định giải quyết khiếu nại số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1701/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã bác khiếu nại của ông B là đúng pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HCST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Phạm Văn B về việc yêu cầu hủy Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy 02 quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B và của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xem xét không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận ông B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 241 Luật tổ tụng hành chính

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HCST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 116; Điều 157; Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

- Áp dụng các Điều 46, 48, 49, 50; khoản 2, Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2003; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; Điều 28; Điều 29; Điều 30 Luật khiếu nại tố cáo 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

- Áp dụng khoản 1, Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

3/ xử:

Bác toàn bộ khởi kiện của ông Phạm Văn B về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 539000 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 23/3/2005 cho hộ ông Phạm Văn B, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 62, diện tích 3.258m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

- Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc “*Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B*”.

- Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc “*Giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn B*”.

4/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Giữ nguyên như phần Quyết định của Bản án sơ thẩm.

5/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Phạm Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, ông B đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019770 ngày 08/02/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

(Đã ký)

Trương Công Thi